



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 41

Ngày 01 tháng 7 năm 2011

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

31-5-2011	Chỉ thị số 20/2011/CT-UBND về tăng cường kiểm tra, kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố.	3
07-6-2011	Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng, chống, xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn thành phố.	12
09-6-2011	Chỉ thị số 21/2011/CT-UBND về việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 725/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và Kế hoạch 05 năm (2011 - 2015) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.	21

- 10-6-2011 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015. 25

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

- 30-5-2011 Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 4. 58

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2011/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2011

### CHỈ THỊ

**Về tăng cường kiểm tra, kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông,  
phòng chống tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố**

Từ đầu năm 2011 đến nay, tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố đã có chiều hướng xấu đi, tai nạn giao thông diễn ra rất phức tạp; so với cùng kỳ năm trước tăng 02 vụ, tăng 73 người bị thương; đặc biệt tai nạn giao thông xảy ra nghiêm trọng trên cả đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. Để kịp thời khắc phục tình hình, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện khẩn trương triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

#### **I. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT GIAO THÔNG, VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN THỰC HIỆN VĂN HÓA GIAO THÔNG KHI THAM GIA GIAO THÔNG**

**1. Ban An toàn giao thông thành phố** chủ trì phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể thành viên, các sở - ngành thành phố, các quận - huyện:

- Xây dựng nội dung và kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục về pháp luật giao thông (Luật Giao thông đường bộ, Luật Giao thông đường thủy nội địa, các quy định về bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, hành lang sông, kênh, rạch...) cho phù hợp với từng đối tượng (cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, nhân dân lao động, sinh viên, học sinh, từng khu dân cư, hộ gia đình).

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Liên Hiệp quốc về “Thập kỷ hành động vì an toàn giao thông đường bộ”, hưởng ứng tích cực “Tuần lễ An toàn giao thông toàn cầu” và “Ngày tưởng niệm các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông”.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp và Ủy ban nhân dân các quận - huyện để tổ chức tổng kết tình hình thực hiện học tập, làm việc lệch ca, lệch giờ; đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới; báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất trong tháng 7 năm 2011.

- Phối hợp với Công an thành phố báo cáo kết quả thực hiện thí điểm việc kết hợp xử lý hành chính với giáo dục pháp luật giao thông đối với người vi phạm pháp luật giao thông.

## **2. Sở Giao thông vận tải:**

- Tiếp tục phối hợp với Đài Tiếng nói nhân dân thành phố (VOH) và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thông tin về phương án tổ chức phân luồng, điều chỉnh giao thông, về tình hình ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố (đặc biệt vào giờ cao điểm).

- Phối hợp với Ban An toàn giao thông thành phố và các Hiệp hội vận tải biên soạn sổ tay thực hiện tiết kiệm nhiên liệu và chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông, xây dựng ý thức và hành vi văn hóa giao thông khi đi đường phổ biến đến từng đơn vị, hợp tác xã và xã viên trong hoạt động vận tải, đặc biệt đội ngũ lái xe taxi, xe buýt, xe tải nặng, xe container, phụ xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Tổng kiểm tra các biển báo giao thông hiện có trên địa bàn thành phố, sửa chữa, điều chỉnh cho phù hợp quy định, hoàn tất trong tháng 6 năm 2011; lắp đặt bổ sung hoàn thiện toàn bộ hệ thống biển báo này trong năm 2011.

## **3. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:**

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục về pháp luật giao thông cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân lao động trên địa bàn; lồng ghép nội dung tuyên truyền giáo dục về pháp luật giao thông trong các buổi sinh hoạt ở cơ quan, đơn vị, khu phố, tổ dân phố...; ít nhất một tháng một lần. nêu cao tính gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang, trách nhiệm của đoàn viên, hội viên, sinh viên, học sinh trong việc chấp hành và vận động gia đình, người thân chấp hành nghiêm pháp luật giao thông.

#### **4. Đề nghị Thành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:**

Chủ trì, phối hợp Ban An toàn giao thông, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan liên quan thường xuyên phát động phong trào xây dựng ý thức chấp hành pháp luật giao thông trong đoàn viên, sinh viên, học sinh trung học phổ thông, thanh niên công nhân và thanh niên nông thôn thông qua những hoạt động hội thi, hội trại, chiến dịch “Mùa hè xanh”, hưởng ứng “Tháng An toàn giao thông”.

## **II. TĂNG CƯỜNG TUẦN TRA, KIỂM TRA XỬ PHẠT CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN GIAO THÔNG**

### **1. Công an thành phố:**

- Tăng cường hoạt động tuần tra xử lý, nhất là trên các tuyến đường; thực hiện các biện pháp ngăn chặn hữu hiệu tình trạng thanh thiếu niên tụ tập, chạy xe lạng lách, đánh võng, tổ chức vây bắt và xử lý nghiêm đối với các đối tượng và phương tiện vi phạm. Tăng cường lực lượng làm nhiệm vụ điều hòa giao thông khép kín trong ngày và vào giờ cao điểm tại các giao lộ, các khu vực thường xảy ra ùn tắc giao thông, nhất là khu vực cửa ngõ Đông Bắc thành phố.

- Tổ chức kiểm tra xử phạt đối với lái xe điều khiển đầu kéo sơ mi rơ moóc không có Giấy phép lái xe hạng FC theo quy định tại Công văn số 1170/TTg-KTN ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Đoàn Kiểm tra Nghị định số 14/CP, Nghị định số 09/CP tăng cường khảo sát, kiểm tra đề xuất những biện pháp xử lý kịp thời khi tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông có hiện tượng tăng cao trên các tuyến đường trọng điểm; và kiểm tra trên các tuyến thủy nội địa thành phố.

### **2. Sở Giao thông vận tải:**

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng của Bộ Giao thông vận tải, Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố, Công an thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có đường thủy nội địa tổ chức tổng kiểm tra toàn bộ các bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, các loại phương tiện thủy đang hoạt động, các thuyền trưởng, tài công đang hành nghề theo chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải).

- Chỉ đạo Tổ Kiểm tra liên ngành được thành lập theo Quyết định số 5912/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố tăng cường công tác kiểm tra xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý công trình hạ tầng đô thị trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Cảnh sát Giao thông đường sắt - đường bộ Công an thành phố và Công an các quận - huyện tăng cường kiểm tra xử lý những “xe dù, bên cóc”, giải tỏa các hoạt động buôn bán, làm dịch vụ lấn chiếm trái phép lòng lề đường; xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm, nhất là trên các tuyến xa lộ Hà Nội, các quốc lộ, Liên Tỉnh lộ 25B.

- Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, duy tu sửa chữa các công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn. Kiên quyết xử phạt nghiêm đối với các đơn vị chậm trễ tiến độ tái lập mặt đường; không cử người điều tiết, hướng dẫn giao thông; không thực hiện đầy đủ các biển báo hiệu về an toàn giao thông tại công trình theo quy định.

### **III. CHẤM CHỈNH TRẬT TỰ ĐÔ THỊ VÀ LẬP LẠI TRẬT TỰ LÒNG LỀ ĐƯỜNG**

#### **1. Ban An toàn giao thông thành phố:**

- Tăng cường công tác khảo sát, tổ chức lại giao thông trên các tuyến đường trọng điểm, các tuyến quốc lộ thường xuyên xảy ra tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; lập hồ sơ xử lý khắc phục nhanh các “điểm đen” về tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông.

- Kiện toàn tổ chức hoạt động của các đoàn kiểm tra liên ngành (Đoàn 14/CP và Đoàn 09/CP); nghiên cứu soạn thảo, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế hoạt động của mỗi đoàn.

- Phối hợp Sở Giao thông vận tải tiếp tục rà soát, phát hiện, xử lý điều chỉnh, khắc phục ngay những bất cập của hệ thống trạm dừng, nhà chờ xe buýt có nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố, trước hết trên các tuyến đường trọng điểm, các quốc lộ.

#### **2. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

Chỉ đạo Công ty Môi trường đô thị thành phố rà soát, tổ chức lại các bãi tập kết, trung chuyển rác và thời gian thu gom, vận chuyển rác cho phù hợp để hạn chế lưu thông xe chở rác trong các giờ cao điểm; không bố trí các điểm thu gom rác quá gần nhà chờ, trạm dừng xe buýt để giữ gìn an toàn vệ sinh môi trường và phòng tránh ùn tắc giao thông.

#### **3. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Tiếp tục kiểm tra, chỉ đạo các trường học tổ chức, sắp xếp mở cửa cho phụ huynh vào trong sân trường khi đưa đón con em đi học; nơi nào không có sân bãi,

phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương khảo sát tìm nơi lân cận nhà trường, tổ chức làm chỗ đưa đón con em, tuyệt đối không để phụ huynh đậu xe dưới lòng đường gây cản trở giao thông. Đẩy mạnh vận động phụ huynh và tất cả học sinh (kể cả học sinh mẫu giáo, tiểu học) thực hiện đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên mô tô, xe máy, xe đạp điện tham gia giao thông.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện thí điểm chương trình giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông cho học sinh các cấp trong thời gian qua và đề xuất kế hoạch tổ chức công tác này trong năm học 2011 - 2012.

- Phối hợp với Công an thành phố tăng cường ngăn chặn và xử lý nghiêm những học sinh vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông, nhất là vào các giờ đến trường và giờ tan trường.

#### **4. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:**

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải để thực hiện nghiêm Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường lực lượng tuần tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy tắc an toàn giao thông; không để xảy ra tình trạng tụ tập đua xe trái phép; có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu và xử lý, giải tán nhanh các hành vi tụ tập nhiều xe gắn máy, điều khiển phương tiện chạy lạng lách, đánh võng, gây rối trật tự công cộng.

- Chủ động điều phối lực lượng Công an và lực lượng dân quân tự vệ địa phương để tăng cường, thường xuyên có mặt tại các công trình thi công có rào chắn chiếm dụng mặt đường, chủ động giải tỏa kịp thời các sự cố có thể dẫn đến ùn tắc giao thông.

- Tập trung xóa bỏ các điểm sửa xe, vá xe ô tô dọc tuyến Đại lộ Võ Văn Kiệt, đoạn từ đường Lương Định Của đến Xa lộ Hà Nội; giải quyết dứt điểm tình trạng buôn bán lấn chiếm trái phép lòng, lề đường tại các khu vực Khu Du lịch Suối Tiên, khu vực hầm vượt Trường Sơn, chợ tự phát trước Khu công nghiệp Linh Trung (trên Quốc lộ 1); đình chỉ hoạt động của các doanh nghiệp không có giấy phép kinh doanh hoặc thu hồi giấy phép đối với những trường hợp vi phạm lộ giới dọc tuyến Xa lộ Hà Nội, Quốc lộ 13. Cường chế di dời giải tỏa ngay cơ sở phế liệu gần chân cầu vượt bộ hành Suối Tiên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2773/VP-ĐTMT ngày 29 tháng 4 năm 2011.

## **IV. VỀ CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ TỔ CHỨC GIAO THÔNG ĐÔ THỊ**

1. Giao Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố chủ trì tổ chức thực hiện các biện pháp tăng cường đảm bảo an toàn giao thông đường sắt theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2216/UBND-ĐTMT ngày 17 tháng 5 năm 2011; tổ chức phối hợp kiểm tra, xử lý bảo đảm trật tự an toàn giao thông và vệ sinh môi trường dọc hành lang an toàn đường sắt trên địa bàn thành phố.

2. Giao Sở Giao thông vận tải chỉ đạo các đơn vị có liên quan

a) Tăng cường kiểm tra hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ để kịp thời điều chỉnh, khắc phục, sửa chữa những hư hỏng, khuyết tật: duy tu, sửa chữa cầu, đường bộ, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, biển báo hiệu giao thông; phục hồi các vạch sơn dừng xe tại giao lộ, vạch sơn cho người đi bộ băng ngang đường, vạch sơn phân luồng trên các tuyến đường đạt chất lượng theo quy định.

b) Triển khai dự án lắp đặt bổ sung các dây phân cách giữa làn xe 02 bánh, thô sơ với làn xe ô tô trên đoạn Quốc lộ 1 thuộc địa bàn thành phố bằng nguồn vốn ủy thác hàng năm. Trước mắt, phối hợp với Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Khu Công nghiệp Việt Nam (IDICO) để triển khai ngay việc lắp đặt dây phân cách trên đoạn An Sương - An Lạc, hoàn thành chậm nhất trong tháng 7 năm 2011. Thiết lập đường song hành đối với các “cung đường đen” trên xa lộ, quốc lộ như đoạn Xa lộ Hà Nội, trước khu vực Khu Du lịch Suối Tiên.

c) Tiếp tục khảo sát, thực hiện cải tạo kích thước hình học, mở rộng các giao lộ, ưu tiên bố trí làn xe rẽ phải liên tục nhằm tăng năng lực thông xe. Kiểm tra, lắp đặt bổ sung các biển báo cấm dừng, đậu xe tại các khu vực, địa điểm tập trung đông người (nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, trường học...) vào các giờ cao điểm trên các tuyến đường thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông.

d) Phối hợp với Công an thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục rà soát, tổ chức phân luồng giao thông tại những khu vực, trên những tuyến đường thường xuyên có nguy cơ xảy ra ùn tắc giao thông, tại các công trình thi công có rào chắn mặt đường; tiếp tục xem xét tổ chức giao thông một chiều khả thi trên một số tuyến đường có tình hình giao thông phức tạp.

đ) Hoàn tất công tác chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng trung tâm điều khiển giao thông thành phố; hoàn thành thủ tục đăng ký danh mục yêu cầu tài trợ ODA với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 6 năm 2011; hoàn tất nghiên cứu khả thi dự án thu phí xe ô tô lưu thông vào trung tâm thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố.



e) Thực hiện nhanh công tác xúc tiến đầu tư các dự án xây dựng tuyến xe buýt nhanh (BRT) dọc trên Đại lộ Võ Văn Kiệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ GPS, Smartcart trong công tác quản lý cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng lưới giao thông công cộng thành phố. Tăng cường việc ký kết hợp đồng đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân với các trường học, nhà máy, xí nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp, góp phần hạn chế sử dụng xe cá nhân.

g) Tiếp tục thực hiện kế hoạch phối hợp Ủy ban nhân dân các quận - huyện đề rà soát, xác định các vị trí, quy mô diện tích các bến bãi phục vụ quy hoạch giao thông vận tải.

## **V. ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TRỌNG ĐIỂM**

1. Giao Sở Giao thông vận tải chỉ đạo chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tập trung thi công hoàn thành trong năm 2011 các công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Trường Sa và Hoàng Sa (đoạn từ hợp lưu đến cầu Lê Văn Sỹ); sửa chữa cầu Sài Gòn và nút giao thông Gò Dưa; hoàn thành đưa vào khai thác đúng tiến độ các dự án Đường kết nối từ cầu Phú Mỹ đến cầu Rạch Chiếc, nút giao thông Đại học Quốc Gia, Tỉnh lộ 10, Tỉnh lộ 10B, đường Liên cảng A5, cầu Suối Cái, cầu Đồng Tròn, cầu Phú Long, cầu Rạch Tra.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Giao thông vận tải ưu tiên cân đối trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí, giao kế hoạch đủ vốn cho các dự án xây dựng hạ tầng trọng điểm thành phố.

3. Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông - đô thị thành phố làm việc với các đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công, yêu cầu đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm hoàn thành đưa vào khai thác công trình Đại lộ Đông - Tây thành phố đúng thời gian quy định.

4. Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố tập trung chỉ đạo hoàn thành dự án Nâng cấp mở rộng tuyến Xa lộ Hà Nội (đoạn từ cầu Sài Gòn đến ngã tư Thủ Đức) trong năm 2011; thực hiện dự án Liên tỉnh lộ 25B (giai đoạn 2) đúng tiến độ quy định.

5. Ủy ban nhân dân các quận 2, quận 9, quận Thủ Đức có trách nhiệm tập trung chỉ đạo công tác bồi thường giải tỏa, bàn giao mặt bằng các dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội, dự án Liên tỉnh lộ 25B (giai đoạn 2), dự án xây dựng nút giao thông Đại học Quốc gia, dự án xây dựng cầu Suối Cái trước ngày 30 tháng 6 năm 2011.

## **VI. CHẤM CHỈNH THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH CÓ RÀO CHẮN CHIẾM DỤNG MẶT ĐƯỜNG VÀ CÔNG TÁC TÁI LẬP MẶT ĐƯỜNG; ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THI CÔNG CÔNG TRÌNH CÓ RÀO CHẮN Ở KHU VỰC MẬT ĐỘ GIAO THÔNG CAO**

### **1. Giao Sở Giao thông vận tải:**

a) Tăng cường kiểm tra, kiên quyết xử phạt đối với các hành vi tháo dỡ rào chắn thi công mà không tái lập mặt đường, sử dụng nguồn vốn duy tu của ngành tiến hành sửa chữa khắc phục (các hư hỏng bên ngoài rào chắn công trình) trong vòng 24 giờ.

b) Tổ chức lấy ý kiến của các sở - ngành, đơn vị có liên quan đối với dự thảo “Quy định về xây dựng và thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trong tháng 6 năm 2011.

c) Chỉ đạo Ban Quản lý dự án Vệ sinh môi trường thành phố tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các đoạn cống còn lại trên các tuyến đường Bùi Hữu Nghĩa, Xô Viết Nghệ Tĩnh (Bình Thạnh), Võ Thị Sáu, Đinh Tiên Hoàng (quận 1), Trần Quang Diệu (quận 3); các đoạn cống băng ngang đường sắt trên các đường Lê Văn Sỹ, Nguyễn Kiệm và Thích Quảng Đức. Chỉ đạo Khu Quản lý giao thông đô thị số 1 đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các đoạn cống còn lại trên đường Ngô Quyền (quận 5).

2. Ban Quản lý dự án Nâng cấp đô thị thành phố có biện pháp đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các đoạn cống còn lại trên các đường Lũy Bán Bích, Âu Cơ, Bà Hom, Tân Hòa Đông.

3. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành lắp đặt các tuyến ống cấp nước trên các tuyến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Nguyễn Thái Bình (quận 1), đường Nguyễn Văn Bình (Thủ Đức), đường Võ Văn Vân (Bình Chánh).

4. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Tổng Công ty Điện lực thành phố Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Viễn thông thành phố phải ưu tiên, tập trung hỗ trợ các đơn vị chủ đầu tư trong việc di dời các công trình tiện ích do đơn vị mình quản lý khi có nhu cầu để phục vụ đúng tiến độ các dự án chính.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, đơn vị, đoàn thể thành phố và Chủ tịch Ủy**

ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, căn cứ nội dung Chỉ thị này, lập kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện; bảo đảm đạt hiệu quả cao nhất nhằm góp phần tích cực vào việc kéo giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố.

2. Giao Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố là cơ quan đầu mối, kiểm tra theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong việc thực hiện Chỉ thị này, kịp thời tổng hợp tình hình, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các khó khăn, vướng mắc nếu có; định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo, đề xuất khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tốt và phê bình hoặc xử lý kỷ luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ được giao./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2011/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2011*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng, chống,  
xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại thành phố; Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại thành phố;

Căn cứ Quyết định số 81/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại thành phố;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 732/TTr-SNN-CCTL ngày 26 tháng 5 năm 2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác phòng, chống, xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp trong công tác phòng, chống, xử lý sạt lở  
bờ sông, bờ biển trên địa bàn thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc phối hợp, tổ chức phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài có các hoạt động liên quan đến bờ sông, bờ biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Sạt lở bờ sông, bờ biển: là hiện tượng mất ổn định và chuyển dịch khối đất, đá tự nhiên của bờ sông, bờ biển do tác động của các yếu tố chấn động địa chất, mưa lớn, dòng chảy, sóng, biến đổi mực nước và các tác động khác (sau đây gọi chung là sạt lở).

2. Xử lý sạt lở: là hoạt động nhằm khắc phục, ngăn chặn, hạn chế sạt lở giữ ổn định bờ sông, bờ biển; trường hợp không ngăn chặn, hạn chế kịp thời sạt lở sẽ gây ra hoặc có nguy cơ gây ra thiệt hại về tính mạng, tài sản, công trình hạ tầng của nhân dân và Nhà nước.

## **Chương II**

### **KIỂM TRA, RÀ SOÁT CÁC VỊ TRÍ CÓ NGUY CƠ SẠT LỞ VÀ ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG SẠT LỞ**

#### **Điều 4. Sở Giao thông vận tải thành phố**

1. Chủ trì, phối hợp Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát, kiểm tra, rà soát các khu vực có nguy cơ sạt lở (bao gồm cả các luồng tuyến giao thông do Trung ương quản lý) để phân loại mức độ sạt lở và sắp xếp thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó đề xuất biện pháp thích hợp phòng, tránh hoặc giảm thiểu thiệt hại. Tiến hành cắm biển cảnh báo nguy hiểm; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền cho nhân dân sinh sống xung quanh để biết và chủ động phòng, tránh.

2. Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án kè bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, biển; đồng thời sắp xếp các danh mục khu vực sạt lở theo mức độ sạt lở, cấp độ xung yếu trên địa bàn để lập kế hoạch ưu tiên đầu tư, tránh đầu tư dàn trải. Đặc biệt đối với các dự án nạo vét, phòng, chống sạt lở cần thẩm định kỹ lưỡng về chọn phương án thiết kế, biện pháp tổ chức thi công, báo cáo khảo sát địa chất, thủy văn trước khi ban hành quyết định phê duyệt. Nghiên cứu các biện pháp công trình áp dụng công nghệ mới xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển.

3. Chủ trì, phối hợp các sở - ngành, quận - huyện liên quan quản lý chặt chẽ, kiểm tra việc cấp phép xây dựng các bến, bãi tập kết, kinh doanh vật liệu; yêu cầu các chủ bến, bãi cam kết (định kỳ 06 tháng) thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn bờ sông, kênh, rạch, biển, tránh gây sạt lở do việc lưu thông và neo đậu của các phương tiện vận chuyển vật liệu. Rà soát, quy hoạch các bến, bãi tập kết kinh doanh vật liệu; không gia hạn cấp phép đối với các chủ bến, bãi không tuân thủ quy định. Kịp thời phát hiện và phối hợp Ủy ban nhân dân các quận - huyện xử lý, cưỡng chế tháo dỡ ngay đối với những trường hợp vi phạm, lấn chiếm trái phép hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, kênh, rạch, biển.

#### **Điều 5. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố**

1. Chủ trì, phối hợp Công an thành phố, Sở Giao thông vận tải thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác cát

lòng sông trên địa bàn thành phố trái phép, không phép, nhất là các điểm nóng trên tuyến sông Sài Gòn và sông Đồng Nai.

2. Ưu tiên thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phòng, chống sạt lở nhằm tạo điều kiện cho chủ đầu tư triển khai thực hiện nhanh chóng các công trình, hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy kịp thời hiệu quả phòng, chống bảo vệ bờ sông, kênh, rạch.

### **Điều 6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố**

1. Căn cứ các quy định thỏa thuận việc xây dựng kè, san lấp xây dựng công trình thuộc hành lang bảo vệ bờ kênh, rạch có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, phù hợp với quy hoạch.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan để tổ chức cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ bờ kênh, rạch được phân cấp quản lý. Nghiên cứu các biện pháp phi công trình ứng dụng trong xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển.

### **Điều 7. Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố**

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện lập quy hoạch di dời, sắp xếp các khu dân cư, công trình kiến trúc, kho tàng ra ngoài các khu vực có nguy cơ sạt lở, đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, bờ biển theo quy định.

### **Điều 8. Tổng Công ty Điện lực thành phố**

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ sạt lở để chủ động gia cố, sửa chữa nhằm đảm bảo an toàn các công trình điện do đơn vị quản lý; trường hợp phát hiện nguy hiểm cần phải tiến hành khẩn cấp việc di dời các công trình điện ra khỏi khu vực sạt lở; đề phòng và xử lý ngay các sự cố về điện do sạt lở gây ra.

### **Điều 9. Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn có sông, kênh, rạch, biển**

1. Phối hợp với sở - ngành thành phố kiểm tra, khảo sát các khu vực ven sông, kênh, rạch, bờ biển có nguy cơ sạt lở để lập kế hoạch ứng phó, xử lý. Thông báo thường xuyên và liên tục các vị trí bờ sông, kênh, rạch, bờ biển có nguy cơ sạt lở để người dân biết, chủ động di dời, vận động, hỗ trợ người dân di dời ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi tạm cư an toàn.

2. Tổ chức sơ tán khẩn cấp người, tài sản ra khỏi khu vực sạt lở nguy hiểm và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở nguy hiểm.



3. Thường xuyên kiểm tra các trường hợp xây dựng công trình trên hành lang bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, bờ biển; nếu phát hiện công trình, vật kiến trúc xây dựng, xâm phạm trái phép thì kiên quyết xử phạt, buộc tháo dỡ, khôi phục lại nguyên trạng; tổ chức cưỡng chế tháo dỡ nếu không chấp hành.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện xây dựng công trình phòng, chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, bờ biển đúng tiến độ.

5. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thành Đoàn thành phố triển khai thực hiện Đề án trồng cây chống xói lở bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, bờ biển, nhất là các vị trí dễ xảy ra sạt lở.

### **Điều 10. Các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến bờ sông, kênh, rạch, bờ biển**

1. Ngay khi phát hiện khu vực ven sông, kênh, rạch, biển có nguy cơ sạt lở nằm trong phạm vi quản lý của các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến bờ sông, kênh, rạch, bờ biển phải có trách nhiệm báo cáo cho chính quyền địa phương để tổ chức các biện pháp xử lý. Đồng thời, tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng sạt lở phải chủ động di dời an toàn người và tài sản ra khỏi khu vực có nguy cơ sạt lở.

2. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân xâm phạm đến hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, kênh, rạch, bờ biển hoặc có các hoạt động gây nguy cơ sạt lở bờ sông, kênh, rạch, bờ biển.

## **Chương III TỔ CHỨC XỬ LÝ SẠT LỖ**

### **Điều 11. Khi phát hiện vị trí có nguy cơ sạt lở**

1. Sở Giao thông vận tải thành phố tiến hành ngay việc cấm biển cảnh báo vị trí có nguy cơ sạt lở; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân cư ngụ xung quanh khu vực có nguy cơ sạt lở (hoặc phạm vi ảnh hưởng của sạt lở) để biết và chủ động phòng, tránh, di dời đến nơi an toàn.

2. Sở Xây dựng thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức khảo sát, kiểm định nhà ở, vật kiến trúc trong khu vực có nguy cơ sạt lở làm cơ sở pháp lý cho quận - huyện tháo dỡ nhằm giảm tải trọng cho bờ sông, kênh, rạch, biển.

3. Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn triển khai xây dựng

rào chắn, cảnh báo không cho người, phương tiện qua lại trong khu vực có nguy cơ sạt lở; khuyến cáo người dân sơ tán và tháo dỡ, di dời tài sản đến nơi an toàn. Khẩn cấp tổ chức sơ tán, di dời người, tài sản ra khỏi khu vực sạt lở nguy hiểm và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở nguy hiểm.

### **Điều 12. Khi xảy ra sự cố sạt lở**

1. Sở Giao thông vận tải thành phố phối hợp với Công an thành phố tiến hành ngay việc thả phao phân luồng, hướng dẫn giao thông thủy an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông thủy cũng như quy định các loại tàu, thuyền không được phép đi vào đoạn sông, kênh, rạch bị sạt lở nhằm giảm áp lực sóng nước vào bờ. Theo dõi chặt chẽ diễn biến sạt lở.

2. Bộ Tư lệnh thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố, Công an thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện có xảy ra sạt lở để huy động lực lượng kịp thời ứng cứu người, trục vớt tài sản và di dời người dân đến nơi an toàn.

3. Tổng Công ty Điện lực thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiến hành cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của sạt lở.

4. Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn tại nơi xảy ra sạt lở phối hợp với Khu Đường sông - Sở Giao thông vận tải thành phố tiến hành khoanh vùng sạt lở, cắm biển cảnh báo nguy hiểm (nếu chưa được cảnh báo), kịp thời huy động lực lượng tại chỗ ứng trực tại hiện trường ngăn không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở đã được khoanh vùng; trợ giúp sơ tán người và tài sản đến nơi an toàn.

### **Điều 13. Khắc phục sự cố sạt lở**

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiến hành kiểm tra, đánh giá lại nguy cơ sạt lở tiếp theo trên toàn tuyến sông, kênh, rạch, bờ biển để chủ động cảnh báo, vận động hoặc cưỡng chế di dời khẩn cấp. Nghiên cứu, lập kế hoạch đầu tư xây dựng công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển tại khu vực xảy ra sạt lở.

2. Sở Xây dựng thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức khảo sát, kiểm tra đánh giá hư hỏng nhà ở, vật

kiến trúc trong khu vực bị sạt lở làm cơ sở pháp lý cho quận - huyện tháo dỡ, nhằm giảm tải trọng cho bờ sông, kênh, rạch, biển khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi xảy ra sạt lở; kiên quyết cưỡng chế mọi trường hợp cố tình không di dời. Cân đối giải quyết quỹ nhà bố trí tái định cư cho các hộ dân di dời theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố.

**3.** Tổng Công ty Điện lực thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra đảm bảo an toàn về điện; sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất.

**4.** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp với địa phương hỗ trợ kinh phí để cứu trợ đột xuất cho người dân tại khu vực bị ảnh hưởng sạt lở. Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố về quy định mức cứu trợ đối với trường hợp sạt lở.

**5.** Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn khẩn trương bố trí nơi ở tạm cư, chăm lo đời sống, sinh hoạt cho các hộ dân bị sạt lở và tổ chức dọn dẹp vệ sinh, phòng ngừa dịch bệnh phát sinh. Đồng thời, hỗ trợ kinh phí để giúp người dân trong khu vực sạt lở ổn định cuộc sống trước mắt trong khi chờ có nơi định cư mới.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ TRỰC BAN VÀ BÁO CÁO**

**Điều 14.** Các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn tổ chức trực ban và báo cáo theo Điều 9, Mục 2 Quy định công tác trực ban phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Sở Giao thông vận tải thành phố**

**1.** Chủ trì trong công tác cảnh báo và tổ chức các biện pháp phi công trình và công trình để xử lý sạt lở kịp thời, hiệu quả.

2. Báo cáo định kỳ hàng quý (hoặc đột xuất nếu có phát sinh mới) về các vị trí sạt lở, có nguy cơ sạt lở và các dự án phòng, chống sạt lở, tiến độ thi công các bờ kè chống sạt lở đang triển khai trên địa bàn thành phố cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn thành phố để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão) trước ngày 01 tháng 12 hàng năm theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 16.** Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ vào nhu cầu đầu tư các dự án phòng, chống sạt lở, mức độ sạt lở và thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ để cân đối các nguồn kinh phí bố trí thực hiện các dự án bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, biển đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm.

**Điều 17.** Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phối hợp với các sở - ngành, đơn vị thành phố tổ chức phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả sạt lở kịp thời, đảm bảo an toàn và giảm thiểu thiệt hại thấp nhất.

**Điều 18.** Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn thành phố tham mưu, đề xuất các biện pháp phòng, chống, ứng phó sạt lở kịp thời, hiệu quả. Định kỳ tổng hợp về tình hình sạt lở và tiến độ thực hiện các công trình phòng, chống sạt lở trên địa bàn thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo các Bộ - ngành liên quan./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2011/CT-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2011*

## **CHỈ THỊ**

**Về việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 725/CT-TTg  
ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát động  
phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội  
năm 2011 và Kế hoạch 05 năm (2011 - 2015) theo Nghị quyết Đại hội  
đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng**

Trong 5 năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố đã tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến và Chỉ thị số 17/2006/CT-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 và kế hoạch 05 năm (2006 - 2010) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua, khen thưởng của thành phố đã có nhiều cố gắng và chuyển biến tích cực, tạo động lực tích cực thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng hàng năm và kế hoạch 05 năm (2006 - 2010), góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Nhằm phát huy hơn nữa những kết quả đạt được trong 5 năm qua, đồng thời để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2011 - 2015) đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ IX thông qua, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện tốt những nội dung trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác thi

đua, khen thưởng; nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng làm cho phong trào thi đua thực sự trở thành ý thức tự giác, trách nhiệm và thường xuyên của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị, cá nhân; tạo thành cao trào hành động cách mạng, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ IX. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng.

2. Trong tổ chức phát động phong trào thi đua, cần chú trọng việc phát hiện nhân tố mới, công tác bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu các gương người tốt, việc tốt để học tập và làm theo tấm gương, nhằm tạo khí thế thi đua sôi nổi, cổ vũ mọi người phát huy khả năng và phẩm chất tốt đẹp để cống hiến, đóng góp tích cực cho phong trào thi đua và thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng nếp sống mới và xã hội văn minh, đẩy lùi những tư tưởng, việc làm tiêu cực, những thói hư, tật xấu trong đời sống xã hội.

3. Đổi mới nội dung, phương thức và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tạo bước chuyển biến mạnh về chất trong các phong trào thi đua. Mục tiêu của thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và từng sở, ngành, địa phương, đơn vị trong từng thời gian cụ thể, trong đó chú trọng giải quyết các vấn đề cấp bách, khó khăn, phức tạp, những khâu yếu kém của từng địa phương, đơn vị. Ngoài việc tổ chức phát động phong trào thi đua thường xuyên hàng năm, cần tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề với nội dung, phương thức phù hợp, thiết thực và hiệu quả. Tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả phong trào thi đua để làm cơ sở xem xét công nhận các danh hiệu thi đua cho các tập thể và cá nhân.

4. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, khen thưởng phải dựa trên cơ sở đánh giá đúng thành tích, đúng tiêu chuẩn, bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, được dư luận xã hội đồng tình; tránh khen thưởng tràn lan, làm suy giảm ý nghĩa của việc khen thưởng. Trong khen thưởng cần quan tâm đến việc phát hiện các điển hình, nhân tố mới, người lao động trực tiếp để khen thưởng. Thực hiện tốt quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp; bảo đảm tính tiêu biểu, nêu gương, giáo dục và tạo được tác động tích cực, lan tỏa trong cộng đồng, xã hội.

5. Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đề cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi pháp luật về thi đua, khen thưởng. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng của thành phố thay thế cho các văn bản không còn phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản của Bộ, ngành Trung ương về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới. Tổ chức củng cố, kiện toàn bộ máy và nhân sự làm công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ngành, đoàn thể, quận, huyện, cơ quan, đơn vị, tổng công ty và công ty thuộc thành phố phù hợp với tình hình nhiệm vụ công tác thi đua trong giai đoạn hiện nay; đồng thời chú trọng công tác bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, tinh thần trách nhiệm, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong những năm tới.

Năm 2011, năm đầu thực hiện kế hoạch 05 năm (2011 - 2015), các sở, ngành, đoàn thể thành phố, quận, huyện, cơ quan, đơn vị, tổng công ty và công ty thuộc thành phố căn cứ các nội dung của Chỉ thị này và Kế hoạch tổ chức thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Ban Bí thư Trung ương về thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến và Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2011; trong đó chú trọng đẩy mạnh phong trào “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; phong trào thi đua thực hiện chủ đề “Đoàn kết, năng động, sáng tạo, thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015”, trước hết tập trung thực hiện có hiệu quả 06 nhóm giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và một số nhiệm vụ trọng tâm như: Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng phát triển đô thị và nông thôn mới.

#### 6. Tổ chức thực hiện:

a) Các sở, ngành, đoàn thể thành phố, quận, huyện, cơ quan, đơn vị, tổng công ty và công ty thuộc thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể chính trị và các tổ chức xã hội căn cứ tính chất, nhiệm vụ, nội dung của phong trào thi đua để phối

hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong việc vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân thành phố tích cực hưởng ứng và thực hiện phong trào thi đua đạt được hiệu quả thiết thực, để phong trào thi đua yêu nước thực sự là phong trào hành động cách mạng của quần chúng, là động lực tác động tích cực trong thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của thành phố năm 2011 và kế hoạch 05 năm (2011 - 2015).

c) Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có nhiệm vụ chủ trì phối hợp với các thành viên Hội đồng Thi đua và Khen thưởng thành phố, Hội đồng Thi đua và Khen thưởng các sở, ngành, quận, huyện, cơ quan, đơn vị, tổng công ty và công ty thuộc thành phố tổ chức kiểm tra, đôn đốc và báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình triển khai thực hiện phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng Thi đua và Khen thưởng thành phố trong việc tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua yêu nước hàng năm, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực cho phong trào thi đua yêu nước của thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hàng 6 tháng và tổng kết năm cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng - Sở Nội vụ)/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2011/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2011*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông thôn, nông dân theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 641/TTr-SNN-PTNT ngày 12 tháng 5 năm 2011 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành “Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015” và các văn bản số 826/SKHĐT-KT, ngày 15 tháng 02 năm 2011

của Sở Kế hoạch và Đầu tư, văn bản số 1643/STC-QHPX ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Sở Tài chính về việc góp ý dự thảo Quyết định ban hành Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Mục đích khuyến khích**

Việc ban hành Quy định này nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hình thành nền nông nghiệp đô thị, phát triển hiệu quả và bền vững; xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại.

#### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung, bao gồm: phát triển nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch theo hướng nông nghiệp đô thị; phát triển ngành nghề nông thôn; trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp; diêm nghiệp, sơ chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp;

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ban hành Quy định này, đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Thời gian hưởng chính sách được áp dụng từ ngày phương án đầu tư được tổ chức tín dụng giải ngân vốn vay (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt phương án đầu tư) đến hết ngày thực hiện phương án. Trong thời gian 03 tháng, nếu chủ đầu tư của các phương án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng không thực hiện đầu tư thì không được hỗ trợ lãi vay theo quy định này.

#### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

1. Các doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, các hộ gia đình, chủ trang trại, cá nhân (sau đây gọi là các Tổ chức, Cá nhân) trực tiếp sử dụng đất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên địa bàn thành phố và có phương án, đề án, dự án (sau đây gọi tắt là Phương án) đầu tư phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn của Thành phố.

2. Các Tổ chức, Cá nhân ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố và có phương án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu hoặc có phương án tổ chức sơ chế sản phẩm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp phù hợp với mục tiêu và danh mục khuyến khích của Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành phố.

3. Các Tổ chức, Cá nhân đầu tư sản xuất giống phù hợp với mục tiêu của chương trình giống cây, con chất lượng cao của thành phố.

4. Các Tổ chức, Cá nhân đã được hưởng ưu đãi theo các chính sách hỗ trợ lãi vay khác không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này.

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ:**

Trong quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Ngành nghề nông thôn*”: sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn, gồm: chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn; xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn.

2. “*Nông nghiệp kỹ thuật cao*”, gồm: ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp; công nghệ sản xuất cây giống; kỹ thuật canh tác cây trồng; ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sản xuất vật liệu mới ứng dụng cho sản xuất nông nghiệp (áp dụng theo Tiêu chí công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp áp dụng cho các nhà đầu tư vào khu nông nghiệp công nghệ cao Thành phố).

3. “*Sản xuất nông nghiệp tốt*”: sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).

4. “*Lãi suất vay vốn thực tế*”: mức lãi suất hỗ trợ cho các phương án đầu tư trong Quy định này được tính theo lãi suất thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng

thương mại trên địa bàn Thành phố, gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh công bố hàng tháng (loại trả lãi sau) cộng thêm phí quản lý 2%/năm.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

**Điều 5. Đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo đồng ruộng; cơ sở bảo quản, sơ chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản; cơ giới hóa sản xuất và phát triển ngành nghề nông thôn**

Các Tổ chức, Cá nhân vay vốn đầu tư cơ sở hạ tầng để chuyển đổi vật nuôi, cây trồng, phát triển ngành nghề nông thôn, gồm: cải tạo đồng ruộng, xây dựng và nâng cấp bờ bao nội đồng, hệ thống tưới tiêu, đào ao, cải tạo ao, đầu tư chuồng trại, xây dựng hầm biogas, nhà lưới, nhà kính, xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề. Đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm và có ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm trên địa bàn thành phố.

Đầu tư ứng dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất, bao gồm: các loại máy móc, thiết bị cơ khí, xe cơ giới, xe tải, bạt nhựa sản xuất muối và dây chuyền thiết bị trong các lĩnh vực phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm và ngành nghề nông thôn. Đối với các tổ hợp hay hệ thống máy móc, thiết bị liên hoàn có liên quan với nhau mới hoạt động được, việc xét hỗ trợ sẽ tính chung cho toàn hệ thống.

1. Mức vay được hỗ trợ lãi vay: theo quy mô đầu tư của Phương án.

2. Mức hỗ trợ lãi vay:

a) Các Tổ chức, Cá nhân khi vay vốn từ tổ chức tín dụng được hỗ trợ 100% lãi suất vay thực tế.

b) Hộ nghèo vay từ Quỹ giảm nghèo - tầng hộ khá được ngân sách thành phố hỗ trợ 4%/năm.

c) Tổ hợp tác, Hợp tác xã nếu vay từ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã áp dụng

theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời hạn được ngân sách hỗ trợ lãi vay: theo chu kỳ sản xuất của phương án được duyệt, nhưng không vượt quá 05 (năm) năm trên một Phương án.

4. Phương thức thanh toán vốn và lãi vay:

a) Các tổ chức tín dụng và chủ phương án tự thỏa thuận lịch giải ngân và trả nợ vốn vay, lãi vay, hình thức đảm bảo tiền vay phù hợp với điều kiện thực tế của từng Tổ chức, Cá nhân xin vay và quy định của tổ chức tín dụng.

b) Việc chuyển trả phần lãi suất hỗ trợ được thực hiện theo Điều 10, 11 Chương III của Quy định này.

5. Điều kiện hỗ trợ: các loại máy móc, thiết bị cơ khí và dây chuyền thiết bị do các Tổ chức, Cá nhân (có cơ sở sản xuất đặt tại Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam) sản xuất và lắp ráp; có nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

**Điều 6. Đầu tư phát triển sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận**

Các Tổ chức, Cá nhân vay vốn sản xuất bao gồm: mua giống, vật tư, phân bón, thức ăn, thuốc, nhiên liệu, trả công lao động để sản xuất nông nghiệp hoặc mua nguyên nhiên vật liệu sản xuất phát triển ngành nghề nông thôn; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay như sau:

1. Mức cho vay được hỗ trợ lãi vay: theo quy mô đầu tư của Phương án.

Mức hỗ trợ lãi vay:

a) Đầu tư phát triển sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; mua nguyên nhiên vật liệu sản xuất phát triển các ngành nghề nông thôn:

- Đối với các Tổ chức, Cá nhân vay từ các tổ chức tín dụng được ngân sách thành phố hỗ trợ 60% lãi suất vay thực tế.

- Đối với những hộ thuộc diện giảm nghèo nếu vay vốn của các tổ chức tín dụng được hỗ trợ 100% lãi suất vay thực tế. Nếu vay từ Quỹ giảm nghèo - tăng hộ khá được ngân sách thành phố hỗ trợ 4%/năm.

- Tổ hợp tác, Hợp tác xã nếu vay từ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã thì áp dụng theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

b) Sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận:

- Đối với các Tổ chức, Cá nhân vay từ các tổ chức tín dụng, được ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% lãi suất vay thực tế.

- Tổ hợp tác, Hợp tác xã nếu vay từ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã thì áp dụng theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Thời hạn được ngân sách hỗ trợ lãi vay:

a) Đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất dưới 12 tháng: thời hạn hỗ trợ lãi vay không quá 12 tháng trên một Phương án.

b) Đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất từ 12 tháng trở lên: thời hạn hỗ trợ lãi vay theo chu kỳ sản xuất nhưng không vượt quá 03 (ba) năm trên một Phương án.

c) Đối với các đơn vị ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất, nhưng tối đa không quá 3 (ba) năm trên một Phương án.

d) Đối với sản xuất phát triển ngành nghề nông thôn: thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng trên một Phương án.

### 4. Phương thức thanh toán lãi và vốn vay:

a) Các tổ chức tín dụng và chủ phương án tự thỏa thuận lịch giải ngân và trả nợ vốn, lãi vay, hình thức đảm bảo tiền vay phù hợp với điều kiện thực tế của từng Tổ chức, Cá nhân xin vay và quy định của tổ chức tín dụng.

b) Việc chuyển trả phần lãi suất hỗ trợ được thực hiện theo Điều 10, 11 Chương III của Quy định này.

### **Điều 7. Đầu tư sản xuất giống:**

1. Ngân sách thành phố ưu tiên đầu tư cho sản xuất giống phù hợp với Chương trình giống cây, con chất lượng cao của Thành phố.

a) Các chương trình, dự án nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất giống.

b) Công nghệ sản xuất giống cây, con, đảm bảo chất lượng và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng đô thị.

c) Xây dựng, nhân rộng các mô hình khuyến nông trình diễn và chuyển giao kỹ thuật về công nghệ sản xuất và chế biến giống, tiếp cận công nghệ sản xuất giống, thay đổi tập quán sử dụng giống từ giống OP sang giống F1.

d) Tư vấn thiết kế, xây dựng thương hiệu, quảng bá thương hiệu, chứng nhận thương hiệu giống cây, con.

e) Mua giống ông bà, bố mẹ để phục vụ công tác sản xuất giống.

2. Hỗ trợ lãi vay vốn đầu tư: Các Tổ chức, Cá nhân đầu tư phát triển sản xuất giống, có phương án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay.

a) Mức vay được hỗ trợ lãi vay: tùy thuộc vào quy mô đầu tư của Phương án.

b) Mức hỗ trợ lãi vay:

- Ngân sách thành phố hỗ trợ 100% lãi suất vay thực tế.

- Tổ hợp tác, Hợp tác xã nếu vay từ Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã thì áp dụng theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thời hạn hỗ trợ lãi vay: với nguồn vốn đầu tư làm vốn cố định không vượt quá 05 (năm) năm trên một phương án; với nguồn vốn đầu tư làm vốn lưu động thời gian hỗ trợ được tính theo chu kỳ sản xuất.

d) Nguồn vốn vay: Từ nguồn vốn của các tổ chức tín dụng.

e) Phương thức thanh toán vốn và lãi vay:



- Các tổ chức tín dụng và chủ các Phương án tự thỏa thuận lịch giải ngân, trả nợ vốn, lãi vay, hình thức đảm bảo tiền vay phù hợp với điều kiện thực tế của từng Tổ chức, Cá nhân xin vay và quy định của tổ chức tín dụng.

- Việc chuyển trả phân lãi suất hỗ trợ được thực hiện theo Điều 10, 11 Chương III của Quy định này.

### **Chương III**

## **QUY TRÌNH VÀ THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT**

### **Điều 8. Tổ chức và thẩm quyền xét duyệt**

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ vay vốn theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị cấp thành phố; Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ vay vốn theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị cấp quận - huyện.

a) Thành phần Hội đồng thẩm định cấp thành phố, gồm đại diện: Phòng Công nông nghiệp/Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Thành đoàn thành phố; Ban Chỉ đạo Giảm nghèo - Tăng hộ khá thành phố.

b) Thành phần Hội đồng thẩm định quận - huyện, gồm đại diện: Ủy ban nhân dân quận - huyện; Ủy ban nhân dân xã - phường; Phòng Kinh tế; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Hội Nông dân; Hội Phụ nữ; Đoàn Thanh niên; Ban Chỉ đạo giảm nghèo tăng hộ khá; Ngân hàng Chi nhánh tại các quận - huyện có thực hiện cho vay vốn theo Chính sách.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định các cấp: thẩm định nội dung của các Phương án đầu tư vay vốn theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 và trình Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định phê duyệt phương án được hưởng hỗ trợ lãi vay theo chính sách đối với các phương án đủ điều kiện, gồm: nội dung đầu tư (cơ cấu cây trồng, vật nuôi) có phù hợp với Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên từng địa bàn cụ thể; tính khả thi của phương án và các quy định khác tại Quy định này.

## 2. Thẩm quyền xét duyệt:

a) Các tổ chức tín dụng (kể cả Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã, Quỹ giảm nghèo - tăng hộ khá) và Hội đồng thẩm định quận - huyện có trách nhiệm thẩm định Phương án, xác định nhu cầu vay vốn của các Tổ chức, Cá nhân phù hợp với quy hoạch và chủ trương chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị đối với các hạng mục quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định này.

b) Đối với các Phương án do các Tổ chức, Cá nhân xin vay vốn để đầu tư đối với các hạng được quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này, được tổ chức tín dụng xác nhận đủ điều kiện vay vốn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thông qua Thường trực Hội đồng thẩm định vay vốn Thành phố thẩm định để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

## **Điều 9. Quy trình vay vốn**

1. Đối với các Tổ chức, Cá nhân có nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi vay để đầu tư sản xuất nông, lâm, diêm, ngư nghiệp và ngành nghề nông thôn các hạng mục ở Điều 5; Điểm a, Khoản 2, Điều 6 Quy định này và có tổng vốn vay dưới 5 tỷ đồng thực hiện theo các bước:

a) Các hộ gia đình, cá nhân vay vốn dưới 100 triệu đồng, đăng ký với Ủy ban nhân dân xã - phường để tổng hợp xác nhận địa điểm đầu tư; gửi về Hội đồng thẩm định quận - huyện (Phòng Kinh tế quận - huyện) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện ra quyết định phê duyệt đối với các Phương án đủ điều kiện.

b) Các Tổ chức, Cá nhân vay vốn trên 100 triệu đồng, tự xây dựng phương án gửi về Ủy ban nhân dân xã - phường để xác nhận địa điểm đầu tư; gửi về Hội đồng thẩm định quận - huyện (Phòng Kinh tế quận - huyện) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện ra quyết định phê duyệt đối với các Phương án đủ điều kiện.

c) Giao cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để quy định rõ thời gian giải quyết hồ sơ ở mỗi bước.

2. Đối với các Tổ chức, Cá nhân có nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi vay để đầu tư sản xuất nông, lâm, diêm, ngư nghiệp và ngành nghề nông thôn các hạng mục ở Điều 5 có tổng vốn vay trên 5 tỷ đồng; Điểm b, Khoản 2, Điều 6 và Điều 7 Quy định này thực hiện theo các bước:

Các Tổ chức, Cá nhân tự xây dựng Phương án, gửi về Ủy ban nhân dân xã để xác nhận địa điểm đầu tư; sau đó chủ đầu tư gửi Phương án về Hội đồng thẩm định

quận - huyện (Phòng Kinh tế quận - huyện) để xem xét, đề xuất trình Hội đồng thẩm định cấp thành phố, thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Hộ nghèo vay từ Quỹ Giảm nghèo - Tăng hộ khá: Ban Giảm nghèo - Tăng hộ khá cấp xã thực hiện theo quy trình cho vay của nguồn Quỹ này. Đồng thời lập danh sách gửi về Ban Chỉ đạo giảm nghèo - Tăng hộ khá của quận - huyện giúp xây dựng Phương án chung trình Hội đồng thẩm định quận - huyện thẩm định và Ủy ban nhân dân quận - huyện ra quyết định phê duyệt đối với các Phương án đủ điều kiện vay.

### **Điều 10. Hồ sơ cấp bù lãi vay**

1. Đối với các phương án do Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt:

Căn cứ theo phương thức hoàn trả lãi vay của phương án và thỏa thuận với tổ chức tín dụng, Phòng Kinh tế của các quận - huyện gửi hồ sơ cấp phát kinh phí hỗ trợ lãi vay của các phương án cho Phòng Tài chính - Kế hoạch của quận - huyện, bao gồm:

- Danh sách các Tổ chức, Cá nhân vay tiền của tổ chức tín dụng được hỗ trợ lãi vay theo quyết định phê duyệt của quận - huyện có ý kiến xác nhận của tổ chức tín dụng.

- Phiếu tính lãi vay theo khế ước nhận nợ do các tổ chức tín dụng tại thời điểm hỗ trợ lãi vay phát hành (bản photocopy) và căn cứ trên tài khoản vay.

2. Đối với các Phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

a) Sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Phương án, chủ phương án gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước thành phố, gồm có:

- Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt phương án;

- Bản sao (có thị thực) Hợp đồng tín dụng đã ký với các tổ chức tín dụng;

- Bảng kê chi phí và phiếu tính lãi vay kèm khế ước nhận nợ do các tổ chức tín dụng tại thời điểm hỗ trợ lãi vay phát hành (bản photocopy) - với các khoản vay thuộc hạng mục chi phí đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ lãi vay;

- Công văn (hoặc giấy đề nghị cấp phát lãi vay theo mẫu) có xác nhận của tổ chức tín dụng cho vay: về thời gian hỗ trợ lãi vay, số dư nợ thực tế và tổng số tiền hỗ trợ lãi vay.

b) Căn cứ trên hồ sơ của chủ phương án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

tổng hợp và ra quyết định phân khai nguồn vốn hỗ trợ lãi vay. Trên cơ sở quyết định phân khai nguồn vốn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Thành phố thực hiện chuyển trả lãi vay cho chủ phương án theo quy định.

### **Điều 11. Thẩm quyền thanh toán lãi vay**

1. Các Tổ chức, Cá nhân và tổ chức tín dụng tự thỏa thuận về thời gian giải ngân, phân kỳ trả nợ gốc, lãi vay.

2. Đối với các phương án do các tổ chức, cá nhân xin vay vốn để đầu tư các hạng mục ở Điều 5; Điểm a, Khoản 2, Điều 6 Quy định này và có tổng vốn vay dưới 5 tỷ đồng, ngân sách sẽ chuyển trả phần hỗ trợ lãi vay cho tổ chức cho vay định kỳ theo thỏa thuận giữa quận - huyện cho tổ chức tín dụng. Các tổ chức tín dụng chỉ thu phần chênh lệch còn lại ngoài phần hỗ trợ lãi suất từ ngân sách.

3. Đối với các phương án do các Tổ chức, Cá nhân xin vay vốn để đầu tư các hạng mục ở Điều 5 có tổng vốn vay trên 5 tỷ đồng; Điểm b, Khoản 2, Điều 6 và Điều 7 Quy định này, việc chuyển trả tiền hỗ trợ lãi vay do Kho bạc Nhà nước thành phố thực hiện cấp phát kinh phí cho chủ phương án theo quy định.

4. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm tổng hợp kinh phí hỗ trợ lãi vay gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phân khai nguồn vốn hỗ trợ lãi vay cho các quận - huyện.

5. Căn cứ kế hoạch hàng năm và báo cáo tiến độ thực hiện hỗ trợ lãi vay các Phương án, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thanh toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo đúng quy định và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ lãi vay theo định kỳ.

### **Điều 12. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện có sản xuất nông nghiệp**

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn xác nhận đối tượng được vay vốn theo Quyết định này.

2. Chỉ đạo các Phòng, ban chức năng phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các Tổ chức, Cá nhân đăng ký, tập huấn và lập phương án vay vốn, hỗ trợ theo chính sách.

3. Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ lãi vay theo chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị (kể cả các hạng mục đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt), gửi các Sở, ngành có liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu hàng năm.

4. Căn cứ kế hoạch phân khai kinh phí hỗ trợ lãi vay hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận - huyện có kế hoạch dự toán rút kinh phí tại Kho bạc quận - huyện theo định kỳ để chuyển trả hỗ trợ lãi vay cho tổ chức tín dụng.

5. Các quận - huyện có trách nhiệm gửi các phương án đã được Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt về bộ phận thường trực - Chi cục Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh để tổng hợp, báo cáo. Hàng quý, 6 tháng, năm các quận - huyện phải tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện triển khai Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

6. Theo dõi tình hình sản xuất của các Tổ chức, Cá nhân đã phê duyệt Phương án; phối hợp với các tổ chức tín dụng kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của các tổ chức, cá nhân đúng mục đích. Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ và Ủy ban nhân dân các phường - xã kiểm tra, phù hợp với định hướng phát triển lâu dài trên địa bàn, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố ra văn bản điều chỉnh bổ sung sửa đổi vào hạng mục được hưởng hỗ trợ lãi vay.

7. Phòng Kinh tế quận - huyện có trách nhiệm xây dựng dự toán và sử dụng kinh phí Mức bồi dưỡng kiêm nhiệm của Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc thực hiện Chính sách và trình Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt áp dụng theo Công văn số 7113/UB-TM ngày 19 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các Thành viên, Ban chỉ đạo, Hội đồng và thành viên Tổ giúp việc.

### **Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành thành phố**

#### **1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Sở, ban, ngành đoàn thể phổ biến, tuyên truyền nội dung về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị cho các Tổ chức, Cá nhân. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm về tình hình thực hiện Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị.

- Hướng dẫn các Tổ chức, Cá nhân về tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao.

- Hàng năm có trách nhiệm xem xét và ra văn bản điều chỉnh bổ sung quy định về danh mục lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và địa bàn ưu tiên được hưởng Chính sách.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn kiểm tra tình hình sử dụng nguồn vốn vay, tham mưu xử lý đối với các trường hợp sử dụng vốn vay không đúng mục đích đối với các Phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Xây dựng dự toán và sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc thực hiện Chính sách và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm. Mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các thành viên các Sở, ngành và Tổ giúp việc của thành phố áp dụng theo Công văn số 7113/UB-TM ngày 19 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các Thành viên, Ban chỉ đạo, Hội đồng và thành viên Tổ giúp việc. Giao Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thực hiện.

## **2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Căn cứ vào kế hoạch và tổng kinh phí hỗ trợ lãi vay chương trình chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp của Ủy ban nhân dân các quận - huyện gửi về, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao kế hoạch chỉ tiêu cấp bù lãi vay.

- Cân đối đủ kinh phí hỗ trợ theo chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm để thực hiện Chính sách.

- Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách tại các quận - huyện.

## **3. Giao Sở Tài chính:**

- Hướng dẫn các Phòng, ban quận - huyện về thủ tục chuyển trả tiền hỗ trợ lãi vay cho các Tổ chức, Cá nhân thông qua các tổ chức tín dụng.

- Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách tại các quận - huyện.

## **4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:**

- Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

- Hàng tháng có văn bản thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các quận, huyện về mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng (loại lãi trả sau) của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố (theo Khoản 4, Điều 4 của Quy định này).

### **5. Kho bạc Nhà nước thành phố:**

- Hướng dẫn và thực hiện việc chuyển trả phần kinh phí hỗ trợ lãi vay cho các Phương án theo quy định.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm về tình hình chuyển trả lãi vay thực hiện theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

**6. Các tổ chức tín dụng** (kể cả Quỹ giảm nghèo - tăng hộ khá; Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã):

- Phối hợp với Hội đồng thẩm định quận - huyện thẩm định các Phương án vay vốn của các Tổ chức, Cá nhân thực hiện Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị.

- Tự chịu trách nhiệm về việc xét duyệt, quyết định cho vay và lập thủ tục cho vay trực tiếp đối với các Tổ chức, Cá nhân do Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt theo quy định và có trách nhiệm giải ngân vốn vay trong vòng 3 tháng kể từ ngày phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 14. Các Tổ chức, Cá nhân thực hiện vay vốn được hỗ trợ lãi vay của chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị**

- Thực hiện đăng ký hoặc xây dựng Phương án vay vốn có hỗ trợ lãi vay theo đúng quy định.

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo các Phương án do các cấp thẩm quyền đã phê duyệt.

- Thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc; lãi vay cho các tổ chức tín dụng theo đúng quy định.

### **Điều 15. Kiểm tra và xử lý vi phạm**

1. Giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra việc sử dụng vốn vay của các Tổ chức, Cá nhân theo Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị.

2. Định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện tại các quận - huyện.

3. Xử lý các Tổ chức, Cá nhân sử dụng vốn vay không đúng mục đích như sau: Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm ra quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ lãi vay đối với trường hợp do Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt phương án, tham mưu đề xuất Hội đồng thẩm định cấp thành phố đối với các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Các Tổ chức, Cá nhân đã vi phạm sử dụng vốn vay không đúng mục đích sẽ không được tiếp tục xem xét giải quyết hỗ trợ lãi vay cho các Phương án khác theo Quy định này.

4. Trường hợp thực hiện Phương án sản xuất kéo dài, không phải do thiên tai, bệnh dịch, ngân sách thành phố sẽ không xem xét để tiếp tục hỗ trợ lãi vay, chủ phương án vay vốn tự chịu trách nhiệm thanh toán phần lãi do nợ quá hạn.

5. Trường hợp phát sinh rủi ro trên diện rộng do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh), việc thực hiện xử lý rủi ro áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

#### **Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức hướng dẫn kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có sự không phù hợp với thực tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp thông qua Hội đồng thẩm định Thành phố tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**



**SO SÁNH NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA “CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN DỊCH  
CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ”  
VỚI QUYẾT ĐỊNH 105 VÀ 15**

<b>SỐ TT</b>	<b>CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH</b>	<b>NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI</b>	<b>LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ</b>
<b>1</b>	<p><b>Tên:</b> Quyết định về việc ban hành quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010</p> <p>Gồm: <b>3 Chương, 9 Điều</b></p>	<p><b>Tên:</b> Quyết định về việc ban hành quy định Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp <b>theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn TP giai đoạn 2011 - 2015</b></p> <p><b>Gồm: 3 Chương, 16 Điều, các điều bổ sung, chỉnh sửa gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 4: Điều giải thích từ ngữ</li> <li>- Điều 9: Quy trình vay vốn</li> <li>- Điều 10: Hồ sơ cấp bù lãi vay</li> <li>- Điều 11: Thẩm quyền thanh toán lãi vay</li> <li>- Điều 12: Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện có sản xuất nông nghiệp</li> <li>- Điều 13: Trách nhiệm của các sở ban ngành thành phố</li> <li>- Điều 14: Các tổ chức, cá nhân</li> <li>- Điều 15: Kiểm tra và xử lý vi phạm</li> </ul>	<p>- Quyết định 105, 15 đã hết hiệu lực phê duyệt vào ngày 31/12/2010, cần xây dựng cơ chế chính sách mới cho phù hợp với giai đoạn mới 2011 - 2015.</p> <p>Lý do: Nhằm cụ thể hóa các bước, quy trình vay vốn, thẩm định hơn nữa so với quyết định 105.</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
2	<p><b>Mục đích:</b></p> <p>Thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hình thành nền nông nghiệp đô thị năng suất cao, sản xuất tập trung, phát triển bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, từng bước hình thành trung tâm giống cây trồng, vật nuôi cho cả khu vực.</p>	<p><b>Mục đích:</b></p> <p>Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hình thành nền nông nghiệp đô thị, phát triển hiệu quả và bền vững; xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại.</p>	<p>- Tiếp tục thực hiện quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh;</p> <p>- <b>Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, phát triển nông nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận.</b></p> <p>- Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại.</p>
3	<p><b>Nội dung:</b></p>		
3.1	<p><b>Điều 4:</b> Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo đồng ruộng</p> <p><b>Điều 7:</b> Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm.</p>	<p><b>Điều 5:</b> Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo đồng ruộng, cơ sở bảo quản, sơ chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản; <b>cơ giới hóa sản xuất và phát triển ngành nghề nông thôn; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng hầm biogas:</b></p>	<p>- Nhập hạng mục ở Điều 4 và một phần của Điều 7 thành Điều 5, đồng thời thêm hạng mục: <b>cơ giới hóa sản xuất và phát triển ngành nghề nông thôn; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng hầm biogas.</b></p> <p><b>Lý do:</b></p> <p>+ Nhằm đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất nông nghiệp</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
	<p><b>*Mức hỗ trợ lãi vay:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã: 100% lãi suất cơ bản (khoảng <b>9%/năm</b>).</li> <li>- Doanh nghiệp: 70% lãi suất cơ bản (khoảng <b>6,3%/năm</b>).</li> </ul>	<p><b>*Mức hỗ trợ lãi vay:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá tổ chức, cá nhân: hỗ trợ theo lãi suất vay thực tế, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (<b>tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại</b>).</li> <li>- Hộ nghèo vay từ Quỹ GN được hưởng 4%/năm.</li> <li>- Tổ hợp tác, HTX nếu vay từ Quỹ CCM áp dụng theo Quyết định 3749/QĐ-UBND, ngày 24/8/2010 (đối với HTX thành lập mới hỗ trợ 100% lãi vay trong 3 năm đầu (khoảng 12%), 50% lãi vay trong 2 năm sau (6%); đối với HTX đang kiện toàn củng cố hỗ trợ 50% lãi suất quy định (6%) tối đa 3 năm).</li> </ul>	<p>để thay thế lực lượng lao động khan hiếm và hạ giá thành sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cụ thể hóa các hạng mục đầu tư.</li> <li>+ Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại.</li> </ul> <p><b>- <u>Mức hỗ trợ ở Quyết định 105, 15</u> là thấp so với tình hình biến động của lãi suất thị trường hiện hay.</b> Theo đề xuất của các quận - huyện cần nâng mức hỗ trợ cao hơn. Theo chính sách mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân, tổ chức được hưởng cao hơn: <b>cao hơn khoảng 7%/năm (ở mức tối đa được hưởng là 16%/năm)</b>.</li> <li>- Doanh nghiệp: <b>cao hơn 7,7%/năm (ở mức tối đa được hưởng là 16%/năm)</b>. Do nâng mức hỗ trợ bằng với cá nhân, hộ gia đình nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp liên kết, hỗ trợ nông dân, các tổ hợp tác, hợp tác xã, trang trại sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- HTX, THT mới Thành lập cao hơn so với QĐ105,15 là <b>3%/năm</b>; HTX, THT củng cố kiện toàn là <b>0,3%/năm</b>.</li> </ul>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
3.2	<p><b><u>Điều 5:</u></b> Khuyến khích đầu tư sản xuất, <b><u>cụ thể:</u></b></p> <p>Các tổ chức, cá nhân vay vốn sản xuất bao gồm: mua giống, vật tư, phân bón, thức ăn, thuốc, nhiên liệu, trả công lao động được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay.</p>	<p><b><u>Điều 6.</u></b> Đầu tư phát triển sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận, <b><u>cụ thể:</u></b></p> <p>Các tổ chức, cá nhân vay vốn sản xuất bao gồm: mua giống, vật tư, phân bón, thức ăn, thuốc, nhiên liệu, trả công lao động để sản xuất nông nghiệp hoặc mua nguyên nhiên vật liệu sản xuất phát triển ngành nghề nông thôn; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận.</p>	<p><i>-Bổ sung thêm hạng mục:</i> ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận.</p> <p><b><u>Lý do:</u></b> nhằm tạo điều kiện hỗ trợ phát triển các ngành nghề nông thôn góp phần giải quyết việc làm nâng cao thu nhập cho người dân ở nông thôn, đẩy mạnh việc liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp cho nông dân; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh việc sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất nông nghiệp tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn GAP.</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
	<p><b>*Mức hỗ trợ lãi vay:</b></p> <p>-Hộ nghèo:100% lãi suất cơ bản (9%/năm) và 4%/năm nếu vay từ Quỹ Giảm nghèo.</p> <p>-Cá nhân, tổ chức: 70% lãi suất cơ bản (<b>6,3%/năm</b>).</p>	<p><b>* Mức hỗ trợ lãi vay:</b></p> <p><i>Chia thành 2 nhóm:</i></p> <p><b>a. Đầu tư phát triển sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn:</b></p> <p>+ Hộ nghèo: <b>hỗ trợ theo lãi suất lãi thực tế</b>, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (<b>tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại</b>).</p> <p>+ Cá nhân, tổ chức: <b>hỗ trợ 60% lãi suất vay thực tế</b>, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (<b>tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại</b>).</p> <p>+ Tổ hợp tác, HTX nếu vay từ Quỹ CCM áp dụng theo Quyết định 3749/QĐ-UBND, ngày 24/8/2010. - Tổ hợp tác, HTX nếu vay từ Quỹ CCM áp dụng theo Quyết định 3749/QĐ-UBND, ngày 24/8/2010 (đối với HTX thành lập mới hỗ trợ 100% lãi vay trong 3 năm đầu (khoảng 12%), 50% lãi vay trong 2 năm sau (6%);</p>	<p><b>* Mức hỗ trợ lãi vay:</b></p> <p>Mức hỗ trợ ở Quyết định 105, 15 là thấp so với tình hình biến động của lãi suất thị trường hiện nay. Theo đề xuất của các quận - huyện cần nâng mức hỗ trợ cao hơn.</p> <p>- Hộ nghèo: hiện nay <i>cao hơn khoảng 7%/năm (ở mức tối đa được hưởng là 16%/năm)</i>.</p> <p>- Cá nhân, tổ chức: hiện nay cao hơn <i>3%/năm (ở mức tối đa được hưởng là 16%/năm)</i>.</p> <p>- HTX, THT mới thành lập cao hơn so với QĐ105,15 là <b>3%/năm</b>; HTX,THT củng cố kiện toàn là <b>0,3%/năm</b>.</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CĂN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
		<p>đối với HTX đang kiện toàn củng cố hỗ trợ 50% lãi suất quy định (6%) tối đa 3 năm).</p> <p><b><i>b. Đầu tư sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất nông nghiệp tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch theo tiêu chuẩn GAP.</i></b></p> <p>+ Tổ chức, cá nhân: tề hỗ trợ theo lãi suất vay thực tế, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (<b>tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại</b>).</p> <p>- Tổ hợp tác, HTX áp dụng theo Quyết định 3749/QĐ-UBND, ngày 24/8/2010 - mức hỗ trợ lãi vay như trên.</p>	<p>- Lĩnh vực mới bổ sung, nhằm khuyến khích các hộ, cá nhân, tổ chức đầu tư sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao, hình thành nền nông nghiệp đô thị.</p> <p>+ <b><i>Mức tối đa được hưởng hiện nay 16%/năm.</i></b></p>
3.3	<p><b><u>Điều 6:</u> Đầu tư sản xuất giống:</b></p> <p>Mức hỗ trợ lãi vay: 100% lãi vay.</p>	<p><b><u>Điều 7:</u> Đầu tư sản xuất giống:</b></p> <p>Mức hỗ trợ lãi vay: <b>hỗ trợ theo lãi suất lãi thực tế</b>, nhưng không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2% (<b>tối đa 16%/năm thời điểm hiện tại</b>).</p>	<p>- <b>Mức hỗ trợ lãi vay này có thấp hơn từ 3 - 4%/năm</b>, do không chế mức tối đa (không quá lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với phí quản lý 2%) - nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các mức hỗ trợ ở các điều khoản.</p>

SỐ TT	CÁC ĐIỀU KHOẢN TRONG QUYẾT ĐỊNH 105, 15 CẦN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG XÂY DỰNG TRONG CHÍNH SÁCH MỚI	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, SO SÁNH MỨC HỖ TRỢ
4.	<b><u>Điều 8:</u></b> Quy trình và tổ chức thực hiện	<b><u>Tách thành:</u></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 8: Tổ chức và thẩm quyền xét duyệt</li> <li>- Điều 9: Quy trình vay vốn</li> <li>- Điều 10: Hồ sơ cấp bù lãi vay</li> <li>- Điều 11: Thẩm quyền thanh toán lãi vay</li> <li>- Điều 12: Trách nhiệm UBND các quận (huyện)</li> <li>- Điều 13: Trách nhiệm các sở ngành</li> <li>- Điều 14: Các tổ chức, cá nhân vay vốn</li> <li>- Điều 15: Kiểm tra và xử lý vi phạm.</li> </ul>	Rút kinh nghiệm từ việc triển khai Chương trình 105, nhằm cụ thể hóa hơn nữa các bước, quy trình thực hiện, để dễ dàng triển khai thực hiện.

**PHỤ LỤC 1:**  
**TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÌNH HÌNH VAY VỐN THEO CHƯƠNG TRÌNH 105 TỪ NĂM 2006 - 2010**

**Bảng 1:** Tình hình thực hiện Chương trình 105 đến tháng 12/2010

Stt	Quận - huyện	Số phương án	Số hộ (hộ)		Số vốn đầu tư (triệu đồng)		Số vốn vay (triệu đồng)		Vốn giải ngân (triệu đồng)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)	(I = I/G)	(K)
1	Cần Giờ	280	8.468	56,95	1.281.275	50,14	828.723	51,47	588.393	71,0
2	Củ Chi	447	3.245	21,83	719.275	28,15	433.524	27,07	277.455	64,0
3	Nhà Bè	628	1.458	9,81	121.763	4,76	88.053	5,5	82.770	94,0
4	Hóc Môn	249	788	5,3	107.593	4,21	67.009	4,18	44.896	67,0
5	Bình Chánh	490	548	3,69	142.235	5,57	90.353	5,64	84.028	93,0
6	Thủ Đức	34	153	1,03	56.909	2,23	36.325	2,27	31.603	87,0
7	Quận 9	68	135	0,91	50.276	1,97	30.508	1,9	30.508	100,0
8	Quận 12	35	37	0,25	19.484	0,76	11.265	0,7	11.265	100,0
9	Quận 2	8	28	0,19	19.527	0,76	5.079	0,32	5.079	100,0
10	Bình Tân	7	7	0,05	30.205	1,18	10.650	0,67	10.650	100,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.247</b>	<b>14.868</b>	<b>100</b>	<b>2.555.366</b>	<b>100</b>	<b>1.601.489</b>	<b>100</b>	<b>1.169.087</b>	<b>73,0</b>
Trong đó: XDGN		420	3.050	20,51	40.798	1,6	23.585	1,47	-	-



**Bảng 2:** Phân chia cơ cấu theo hạng mục

Stt	Hạng mục đầu tư	Tổng vốn đầu tư		Vốn vay	
		Số lượng (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cải tạo đồng ruộng	37.151	1,46	26.006	1,62
2	Phát triển sản xuất	2.511.215	98,27	1.571.983	98,16
3	Giống	7.000	0,27	3.500	0,22
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.555.367</b>	<b>100</b>	<b>1.601.489</b>	<b>100,00</b>

**Bảng 3:** Tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình 105 - chia theo ngành nghề

Stt	Ngành nghề	Vốn đầu tư		Vốn vay		Số hộ	
		Số lượng (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	- Tôm (ha)	1.075.554	42,09	725.475	45,3	8.554	57,53
2	- Hoa, cá kiểng (ha)	293.612	11,49	165.754	10,35	358	2,41
3	- Khác (ha)	248.893	9,74	140.771	8,79	1.102	7,41
4	- Heo (con)	246.593	9,65	172.801	10,79	1.201	8,08
5	- Bò (con)	226.917	8,88	114.186	7,13	1.911	12,85
6	- Nghêu (ha)	211.329	8,27	121.713	7,6	555	3,73
7	- Muối (ha)	96.848	3,79	48.045	3	501	3,37
8	- Cá sấu (con)	94.037	3,68	59.095	3,69	40	0,27
9	- Cá (ha)	45.486	1,78	38.436	2,4	494	3,32
10	- Rau an toàn (ha)	16.099	0,63	15.214	0,95	153	1,03
	<b>Tổng</b>	<b>2.555.366</b>	<b>100</b>	<b>1.601.489</b>	<b>100</b>	<b>14.868</b>	<b>100</b>

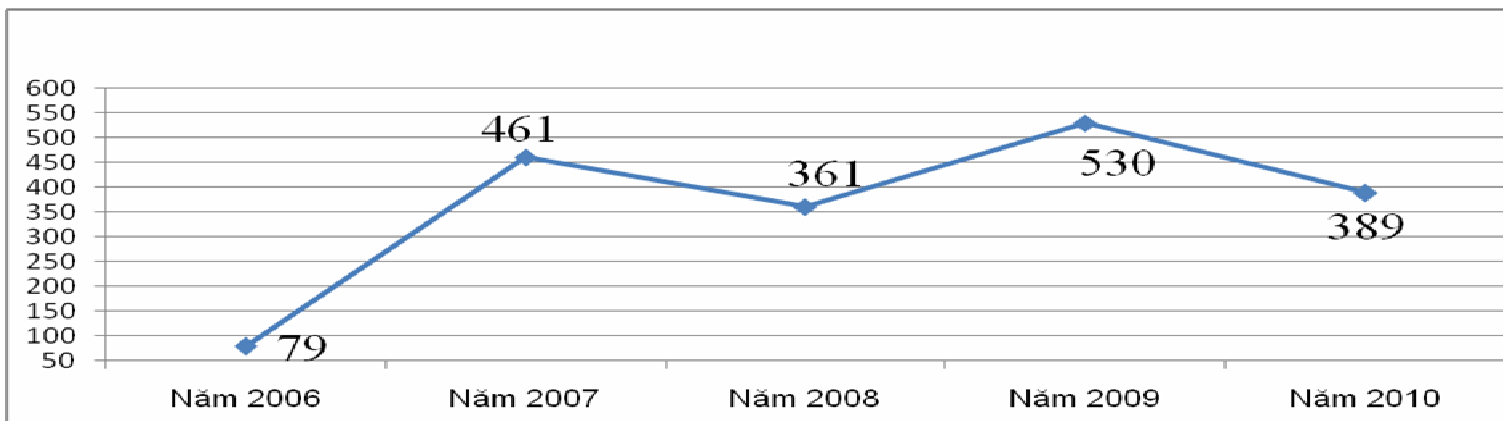
**Bảng 4:** Tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình 105 - chia theo đối tượng đến tháng tháng 12/2010

Stt	Đối tượng	Số đề án	Số hộ (hộ)	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Tổng vốn vay (triệu đồng)	Bình quân vốn vay/hộ	Tỷ lệ %/vốn vay
1	Hộ Nông dân	1.816	11.807	2.441.202	1.526.757	129,31	95,33
2	Hộ Xóa đói giảm nghèo	420	3.050	40.798	23.585	7,73	1,47
3	Doanh nghiệp	11	11	73.366	51.147	4.649,73	3,19
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.247</b>	<b>14.868</b>	<b>2.555.366</b>	<b>1.601.489</b>	<b>107,71</b>	<b>100,00</b>

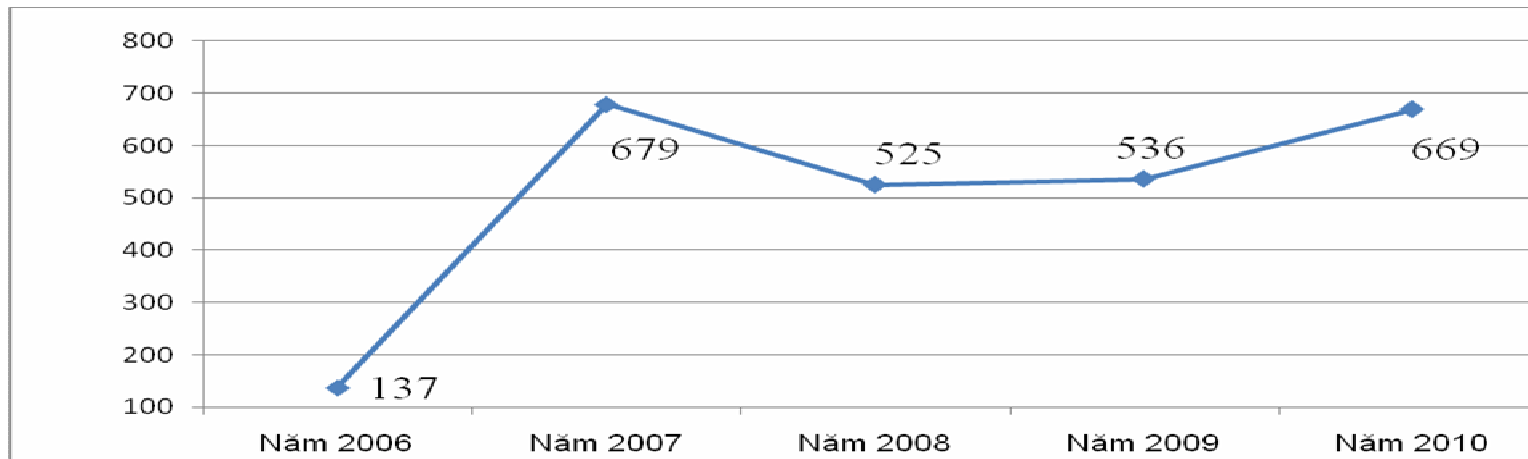
**Bảng 5:** Phân chia tình hình thực hiện Chương trình 105 theo từng năm

NĂM	Số phương án	Số hộ (hộ)	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Tổng vốn vay (triệu đồng)	Vốn vay bình quân/hộ
<b>2006</b>	79	1.309	137.312,7	81.141,2	62,0
<b>2007</b>	461	5.924	679.376,0	406.684,7	68,7
<b>2008</b>	361	2.927	525.255,7	302.765,3	103,4
<b>2009</b>	530	2.591	536.257,6	337.086,9	130,1
<b>2010</b>	389	2.082	668.693,5	396.735,1	190,6

**Biểu đồ 1: Số phương án vay vốn 2006 - 2010**



**Biểu đồ 2: Số vốn vay theo Chương trình 105 từ năm 2006 - 2010**



**Bảng 6:** Tình hình cấp bù kinh phí hỗ trợ lãi vay tính đến tháng 12/2010

<b>STT</b>	<b>Quận - huyện</b>	<b>Số tiền đã cấp bù (đồng)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Huyện Cần Giờ	23.751.280.000	40,91
2	Huyện Củ Chi	19.129.000.000	32,95
3	Huyện Bình Chánh	4.467.390.000	7,69
4	Huyện Hóc Môn	2.490.070.000	4,29
5	Huyện Nhà Bè	2.399.540.000	4,13
6	Quận 9	2.037.924.174	3,51
7	Quận Thủ Đức	1.812.365.000	3,12
8	Quận Bình Tân	965.296.000	1,66
9	Quận 12	601.849.000	1,04
10	Quận 2	404.000.000	0,7
	<b>Tổng cộng</b>	<b>58.058.714.174</b>	<b>100</b>

**- Bình quân/năm: 11,6 tỷ đồng/năm**

## PHỤ LỤC 2:

### Ước tính vốn đầu tư, vốn vay, vốn hỗ trợ lãi vay theo chính sách mới giai đoạn 2011 - 2015

Năm	Số phương án	Số hộ (hộ)	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Vốn vay (triệu đồng)	Vốn giải ngân (triệu đồng)	Lãi suất cấp bù (triệu đồng)
2011	220	1502	181.187,33	108.712,40	86.969,92	9.462,33
2012	422	5426	715.598,65	429.359,19	343.487,35	29.897,14
2013	485	3936	812.266,90	487.360,14	389.888,11	33.935,86
2014	558	2729	649.576,96	389.746,18	311.796,94	27.138,81
2015	471	2521	931.234,81	558.740,89	446.992,71	38.906,25
<b>Tổng</b>	<b>2157</b>	<b>16114</b>	<b>3.289.864,66</b>	<b>1.973.918,79</b>	<b>1.579.135,04</b>	<b>139.340,38</b>

Căn cứ dự báo:

- Dựa vào số liệu 5 năm trước (2006 - 2010);
- Mức giá đầu tư bình quân hàng năm tăng 15%;
- Số vốn vay chiếm 60% vốn đầu tư;
- Vốn giải ngân chiếm 80% vốn vay (giai đoạn trước 70%);
- Người dân đã có kinh nghiệm trong việc lập các dự án đầu tư vay vốn ngân hàng theo chương trình trước;
- Mức lãi suất hỗ trợ lãi vay tăng hơn so với quyết định trước, nên khuyến khích người dân tiếp cận nhiều hơn với chương trình này;
- Cán bộ cấp xã, huyện có kinh nghiệm trong việc thực hiện chính sách trước.

## DANH MỤC

### **Các đối tượng, địa bàn được hưởng Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

---

#### **1. Lĩnh vực trồng trọt:**

1.1. Trồng rau, dưa hấu: tại các vùng được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn và các vùng được các quận (huyện) chuyển đổi trồng rau.

1.2. Nuôi trồng nấm các loại: các quận (huyện) sử dụng nguồn nước tưới hợp vệ sinh.

1.3. Nhóm hoa cây kiểng: các huyện và quận vùng ven có sản xuất nông nghiệp.

- Trồng hoa lài: quận 12 và các huyện: Hóc Môn, Củ Chi.

1.4. Trồng cây ăn trái chuyên canh:

+ Các xã dọc theo sông Sài Gòn thuộc các huyện: Củ Chi, Hóc Môn; quận Thủ Đức; dọc sông Đồng Nai quận 9.

+ Các xã thuộc huyện Bình Chánh.

+ Các xã thuộc huyện Cần Giờ.

1.5. Nhóm cây thức ăn chăn nuôi thuộc các huyện: Củ Chi, Hóc Môn và Bình Chánh.

1.6. Nhóm cây công nghiệp (sản xuất theo vùng tập trung).

#### **2. Lĩnh vực chăn nuôi:**

- Chăn nuôi bò sữa: các huyện: Củ Chi, Hóc Môn và Bình Chánh; quận 12.

- Chăn nuôi bò thịt, ưu tiên nuôi vỗ béo bò sữa lấy thịt: các huyện: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh và Cần Giờ.

- Chăn nuôi heo: các huyện: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè và Cần Giờ; quận 9, quận 12.

- Chăn nuôi các loại khác: thỏ, trùn, dê,...: các huyện, quận vùng ven có sản xuất nông nghiệp.

**3. Lĩnh vực thủy sản:**

- Nuôi tôm nước lợ, mặn: các huyện: Cần Giờ, Nhà Bè.
- Nuôi cá nước ngọt: các huyện: Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè và Cần Giờ; quận 9, quận 12.
- Nuôi cá: Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ, quận 9, quận 12.
- Nuôi nghêu, sò, hào, vọp: huyện Cần Giờ.
- Cua, lươn, ếch, baba: các huyện, quận ven có sản xuất nông nghiệp.
- Trại thuần dưỡng giống thủy sản, sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản: huyện Cần Giờ.
- Lập bè theo qui hoạch: các huyện: Cần Giờ và Nhà Bè; quận 9.
- Cá cảnh: các huyện, quận ven có sản xuất nông nghiệp.

**4. Lĩnh vực lâm, diêm nghiệp:**

- Sản xuất muối ở huyện Cần Giờ;
- Ươm giống cây lâm nghiệp, các huyện: Bình Chánh và Củ Chi.
- Cá sấu, trăn, rắn, nhím,... ở những vùng có điều kiện.

**5. Chung loại máy cơ giới hoá sản xuất và chế biến được hỗ trợ:**

- Trồng trọt: Máy làm đất, gieo cấy, thu hoạch, máy liên hợp;
- Trong chăn nuôi: máy vắt sữa, máy xay - nghiền thức ăn, máy trộn thức ăn, máy bơm điện, hệ thống cải tạo tiểu khí hậu chuồng nuôi;
- Trong thủy sản: máy bơm - thoát, tạo oxy (máy nén, máy dầu);
- Chế biến và ngành nghề nông thôn: máy sấy, máy cắt, máy xay, máy ép; muối (làm đất, vận chuyển); thiết bị giết mổ, xe chuyên dụng, các công cụ, dụng cụ phục vụ cho phát triển ngành nghề nông thôn.

Các loại máy nêu trên không phân biệt chủng loại, địa bàn, có mặt trên thị trường và do người mua tự lựa chọn theo nguyên tắc thỏa thuận với người bán. Đối với các tổ hợp hay hệ thống máy móc, thiết bị liên hoàn có liên quan với nhau mới hoạt động được, việc xét hỗ trợ sẽ tính chung cho toàn hệ thống.

Điều kiện hỗ trợ: các loại máy móc, thiết bị cơ khí và dây chuyền thiết bị do các Tổ chức, Cá nhân (có cơ sở sản xuất đặt tại Việt Nam, được thành lập và hoạt động

theo luật pháp Việt Nam) sản xuất và lắp ráp; Có nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 89/2006/CPNĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

**6. Sản xuất phẩm nông nghiệp sạch; sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận:**

6.1. Sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao:

- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp bao gồm:

a) Ứng dụng sinh học phân tử trong giám định bệnh hại cây trồng; Công nghệ sản xuất và ứng dụng các bộ KIT chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng và vật nuôi: Thuốc thử, que thử (test strip), đoạn mồi (primers), kháng thể (antibody)...

b) Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất phân hữu cơ, thuốc Bảo vệ thực vật, sản phẩm nấm (nấm ăn, dược liệu), sản xuất các chế phẩm xử lý môi trường...

- Công nghệ sản xuất cây giống bao gồm:

a) Công nghệ nhân giống truyền thống có cải tiến (Nuôi cấy mô hom; vi ghép...);

b) Công nghệ nuôi nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào thực vật (tissue culture, anther culture);

c) Chọn tạo giống mới bằng gây đột biến gen (sử dụng kỹ thuật phóng xạ hạt nhân, hóa chất...);

d) Công nghệ lai tạo giống có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử.

- Kỹ thuật canh tác cây trồng gồm:

a) Kỹ thuật canh tác không dùng đất: Thủy canh (hydroponic), màng dinh dưỡng (deepend and floating board technology), khí canh, trồng cây trên giá thể;

b) Sử dụng hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động;

c) Sử dụng hệ thống nhà kính, nhà lưới, nhà màng PE (polyethylene) có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động;

- Ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản (điều chỉnh thành phần không khí: O<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>,...sử dụng enzym, màng thông minh,...) và chế biến nông sản.

- Công nghệ sản xuất vật liệu mới và ứng dụng để sản xuất giá thể, khay ươm cây giống, màng phủ nông nghiệp, màng bao trái, chất bảo quản nông sản, sản xuất các vật liệu cho hệ thống nhà màng, hệ thống tưới...



- Ứng dụng công nghệ thông tin (computer), tự động hóa trong canh tác chăm sóc cây trồng như điều tiết nhiệt độ, ẩm độ, cường độ và thời gian chiếu sáng, tưới tiêu nước, sử dụng phân bón, phòng trừ sinh vật hại, thu hoạch nông sản...

Trong quá trình thực hiện, tiêu chí này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

6.2. sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) được cấp giấy chứng nhận.

**7. Ký kết tiêu thụ sản phẩm** trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề nông thôn và có phương án cụ thể.

**8. Ngành nghề nông thôn:** các huyện, quận vùng ven, gồm:

- Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn:
- + Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản;
- + Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn;
- + Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn;
- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ;
- Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2011/QĐ-UBND

*Quận 4, ngày 30 tháng 5 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Phòng Kinh tế quận 4****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2008/TTLT-BCT-BNV của Bộ Công thương và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận - huyện.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế quận 4 tại Công văn số 69 ngày 23 tháng 5 năm 2011,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 4.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 437/QĐ-UB ngày 13 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân quận 4 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 4.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 4, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Kinh tế quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Đạt**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 4**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 4)*

### **Chương I**

#### **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

##### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

###### 1. Vị trí:

Phòng Kinh tế quận 4 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Phòng Kinh tế quận 4 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

###### 2. Chức năng:

Phòng Kinh tế quận 4 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tiểu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại; dịch vụ; quản lý năng lượng; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

### **Chương II**

#### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

##### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Phòng Kinh tế quận 4 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

###### 1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch

dài hạn, 5 năm và hàng năm về phát triển các ngành trên địa bàn quận theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước và phân cấp quản lý trong lĩnh vực được giao trên địa bàn quận. Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính về lĩnh vực được phân công sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với hoạt động của các thành phần kinh tế trên địa bàn quận trong phạm vi lĩnh vực các ngành kinh tế được phân công; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

d) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được phân công cho cán bộ, công chức phường trên địa bàn quận;

đ) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

e) Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và các Sở - ngành liên quan;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra và đề xuất xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật thuộc các lĩnh vực được phân công trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động các lĩnh vực được phân công trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận;

h) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đóng trên địa bàn trong việc triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng;

i) Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận;

k) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép theo phân công của Ủy ban nhân dân quận; thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá, sản xuất và kinh doanh rượu thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, hướng dẫn và thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn;

c) Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn quận.

## 3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về khoa học - công nghệ và năng lượng:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và làm thường trực Hội đồng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phát triển phong trào lao động sáng tạo, phổ biến, lựa chọn các tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để hỗ trợ áp dụng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn quận; tổ chức thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn. Theo dõi, giám sát, phối hợp và hỗ trợ các đơn vị tổ chức thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống trên địa bàn;

c) Quản lý nhà nước đối với hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ, hạt nhân theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, thống kê, lưu trữ về khoa học và công nghệ tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Triển khai thực hiện quy hoạch, chính sách, kế hoạch phát triển điện lực, phát triển việc ứng dụng năng lượng mới, năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các dạng năng lượng khác trên địa bàn quản lý;

e) Triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch nghiên cứu, phát triển sản xuất và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trên địa bàn quản lý;

g) Tổ chức triển khai thực hiện quy định về quản lý hoạt động điện lực trên địa bàn; các quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và các công trình điện khác trên địa bàn quản lý;

h) Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện, tập huấn về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn điện cho cán bộ quản lý năng lượng, cán bộ và nhân viên của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và các tổ chức quản lý điện trên địa bàn; hướng dẫn và kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm an toàn điện trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hoạt động điện lực và sử dụng điện, các quy trình, quy định về an toàn điện áp dụng trong nội bộ cơ quan, doanh nghiệp;

i) Tổ chức triển khai thực hiện phương án giá điện trên địa bàn quản lý. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, thanh tra chuyên ngành điện lực theo quy định của pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng.

#### 4. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn quận; giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước đối với chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn quận;

b) Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu và đề xuất Ủy ban nhân dân quận về công tác nhân sự Ban quản lý các chợ trên địa bàn quận.

c) Thực hiện một số nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Phòng Kinh tế quận có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc các Sở liên quan về thực hiện các mặt công tác chuyên môn của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; việc miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Kinh tế quận tổ chức thành các tổ Công tác chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Quản lý Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp; Thương mại, Dịch vụ
- Quản lý Khoa học - Công nghệ và Năng lượng;
- Quản lý Đăng ký Kinh doanh;
- Quản lý Kinh tế hợp tác xã, Kinh tế tập thể, Kinh tế tư nhân.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Trưởng phòng báo cáo thông qua Ủy ban nhân dân quận về phương án có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc ghép nhiều lĩnh vực vào cùng một tổ trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

Về công tác cán bộ: Trưởng Phòng Kinh tế quận phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ đề xuất việc bổ nhiệm, bố trí và miễn nhiệm các chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban quản lý chợ trong phạm vi quản lý quận và theo quy định của công tác cán bộ hiện hành.

#### **Điều 4. Biên chế**



Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành của Phòng Kinh tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Cán bộ, công chức Phòng Kinh tế quận có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, có bảng tên đặt tại nơi làm việc, có đeo thẻ công chức theo quy định. Cán bộ, công chức phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Phòng, đồng nghiệp và các tổ chức hoặc cá nhân đến liên hệ công tác.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách và trực tiếp giải quyết các công tác được Trưởng phòng phân công;

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết;

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, chuyên viên giải quyết phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

#### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các cơ sở của Phòng (các tổ chức và cá nhân có liên quan) phải nêu cụ thể trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

6. Phòng Kinh tế có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận hoặc lãnh đạo các Sở - ngành thành phố có liên quan.

### **Điều 7. Chế độ thông tin báo cáo**

Theo định kỳ (hoặc đột xuất), các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc báo cáo tình hình hoạt động, thống kê số liệu liên quan đến lĩnh vực của cơ quan, đơn vị mình về Phòng Kinh tế để phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo hoặc tham mưu báo cáo theo quy định.

### **Điều 8. Mối quan hệ công tác**

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

- Phòng Kinh tế chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

- Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với các Sở - ngành liên quan:

Phòng Kinh tế chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở - ngành liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Phòng, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc các Sở liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo

hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Trưởng các Phòng chuyên môn khác, Trưởng Phòng Kinh tế chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân 15 phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân 15 phường, thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra cán bộ 15 phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý;

c) Tổ chức giao ban với Ủy ban nhân dân 15 phường về lĩnh vực Phòng phụ trách.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 9.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Kinh tế quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

**Điều 10.** Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Đạt**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 14.000 đồng**